

HUYỀN TÁN KINH PHÁP MẦU LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẦN ĐẦU

PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Lược chia ra ba môn:

- 1) Vì sao có phẩm này.
- 2) Giải thích tên phẩm.
- 3) Nêu ra thể của phẩm.

Về ý nghĩa vì sao có phẩm này có ba:

1. Y vào tám phẩm làm Chánh tông. Hoa sen có hai đức là lên khỏi mặt nước và nở bày tức Pháp mầu có đầy đủ hai công năng của quả tốt đẹp là hạnh trang trong cung kính.

Lại trong kinh nói: Nay kinh này chỉ nói pháp Nhất thừa. Cho nên dùng để phá hai, hội hai trở về Nhất thừa làm chánh chủ ý của kinh Pháp Hoa. Cho nên, ba lần nói pháp hợp với ba căn cơ. Phẩm này là lần đầu tiên nói pháp Nhất thừa để lợi ích cho Thu Tử (Xá-lợi-phất). Ngài Thu Tử là bậc thượng căn đầu tiên lãnh ngộ nói trong phẩm Thí dụ. Phật vì ông mà thuật lại việc thành tựu để thọ ký. Cho đến vì Thu tử nói kệ xong đó là lần chuyển thứ nhất. Trong phẩm Thí dụ ngài Xá-lợi-phất thỉnh rằng: “Nay con không còn nghi hối”: Từ đây trở xuống Phật nói thí dụ để làm lợi ích cho hàng trung căn. Bốn người trung căn ấy tín hiểu. Phật nói phẩm Dược Thảo Dụ thuật lại sự thành tựu, thọ ký cho họ. Đây là lần chuyển thứ hai.

Trong phẩm Hóa Thành Dụ nói đến kết duyên từ xưa và Hóa thành là không thật, đây vì lợi ích người hạ căn. Mãn Từ Tử lãnh giải rồi. Phật ấn chứng thuật lại xong, liền thọ ký cho năm trăm vị Hữu học, Vô học. Đây là lần chuyển thứ ba, trở xuống phần dưới lại không nói Nhất thừa

nhưng chỉ nói Nhất thừa là tự thể của Pháp Hoa. Nay đại chúng nhóm họp hòa kính và đủ duyên rồi, căn khí đã phù hợp chính là lúc có thể trình bày tông pháp. Và lại nói pháp Nhất thừa làm lợi lạc cho người thượng căn. Do đây mà phẩm Phương Tiện xếp sau phẩm Tựa.

2. Trong phần căn cứ mười chín phẩm làm chánh tông, từ phẩm Phương Tiện trở xuống có mười hai phẩm nói về cảnh Nhất thừa. Phẩm An lạc, Dũng Xuất nói về hạnh Nhất thừa. Phẩm Như lai Thọ Lượng đến phẩm Thường Bất khinh, cả năm phẩm này lại nói về quả Nhất thừa. Nói cảnh để biết rõ cảnh quyền thật khuyên nên bỏ quyền mà giữ lấy thật. Người thanh văn ngộ cảnh này mà được thọ ký.

Trong đây chia làm ba: Tám phẩm đầu chính là nói về quyền thật, ba căn cơ đều được thọ ký, ba phẩm kế là khen ngợi người và pháp, khuyên nên kính mến hành trì. Một Phẩm Trì ở sau vâng mệnh bỏ quyền trì thật hành thật pháp. Tám phẩm đầu này không khác với ý trước. Cho nên sau phẩm Tựa là phẩm Phương Tiện.

3. Luận chép: Từ đây trở xuống chỉ rõ hiện nói tướng nhân quả. Ý này ở liền sau phẩm Tựa. Nói rõ tông chỉ kinh nói là tướng trạng, thể tướng, nhân quả. Trong đây có ba ý giải thích:

a) Nói trí tuệ của Chư Phật là quả. Năng thuyên trí tuệ là giáo môn gọi là nhân. Như cửa là nơi để bước vào nhà. Vậy thì giáo là nơi hiển lý. Hoa sen chỉ nói hai nghĩa nhân quả, cho nên tức là trí thuyên.

b) Ba lần thỉnh rồi sau nói một đại sự: Khai, thị, ngộ, nhập, ba điều trước là quả, một điều sau là nhân, chính là tông chỉ Nhất thừa. Đầu tiên là nêu môn ý trí. Ngài Thu Tử phát nghi nên cố thỉnh Phật nói pháp Nhất thừa. Hai nghĩa Hoa sen tuy giải là kinh Vô Lượng Nghĩa. Quả đẹp nhân khai, đây cũng chưa bao gồm lý chung. Do đây nên nói mở bày ngộ nhập là quả và nhân.

c) Đầu tiên nói trí và môn. Môn là nhân trí là quả. Mở bày ngộ là ba quả, nhập là nhân, giáo lý hạnh quả đều là Pháp Hoa, khiến biết xưa kia giáo hành phương tiện nói thành ba. Nay nói thể thừa lý quả chỉ là một. Nghe giáo Ba thừa mà hiểu lý Nhất thừa. Thật hành nhân Ba thừa mà chứng quả Nhất thừa. Đó là ý Pháp Hoa. Như trước đã giải thích, phẩm này nói đủ tông nêu kinh tông nhân cho quả nên phẩm Phương tiện kế sau phẩm Tựa

Giải thích danh từ: Phương tiện là phương liên, khứ thanh là Tiện.

Phật trí có hai: Trí chân thật và trí phương tiện.

- Trí chân thật có hai: Thật pháp và Thật trí. Thật pháp có hai:

Một là thể thật nghĩa là hữu vi vô vi.

Hai là chân thật, nghĩa là chân như diệu lý. Thật trí cũng có hai:

Một là như thể thật trí, tức là quán thể thật vô lậu chân trí. Đối với trí phàm vọng không biết gọi là thật trí tức hai trí căn bản và hậu đắc đều có.

Hai là chứng trí chân thật chỉ có trí chánh thể. Đây có năm cặp:

1. Đối với biết vọng gọi là thật trí.
2. Đối với biết việc gọi thật trí.
3. Đối tỏ tướng gọi là thật trí.
4. Đối trí thuyên gọi là thật trí.

Bốn thứ thật trí này đều chỉ quán về chân trí thứ tư còn bốn sở đối theo thứ lớp đều là bốn trí thế tục.

5. Đối trị quyền trí gọi là thật trí. Nghĩa là lý trí Nhất thừa, đối với biết hai quyền trí. Đây y vào chứng trí, lấy chân trí thứ tư để đối với ba tục trí sau. Nếu y vào hướng nhập trí thì lấy chân trí thứ ba đối với tục trí thứ ba.

Về trí phương tiện có ba hoặc bốn.

1. Tiến tới phương tiện. Nghĩa là trí bảy phương tiện trước kiến đạo tiến đến hướng quả gọi là phương tiện. Sở học có phép tắc nên gọi là phương, tùy theo vị tu thuận thích nghi gọi là tiện.

2. Lập ra phương tiện. Nghĩa là phương tiện khéo léo Ba-la-mật. Diệu dụng hậu trí, năng hành hai lợi nên gọi là phương tiện. Đoạn này có ba:

a. Giáo hạnh phương tiện: Ngôn âm có phép tắc gọi là Phương, bảm giáo được an ổn gọi là tiện.

b. Chứng hành phương tiện: Lý Không ngay thẳng gọi là phương. Trí thuận chánh lý gọi là tiện.

c. Bất trụ phương tiện: Từ chân nhập tục gọi là phương: Tự tha đều lợi là tiện. Cả ba pháp này đều là lập ra phương tiện thứ hai.

d. Tập thành phương tiện: Các pháp đồng thể, xảo tướng tập thành, nên gọi là phương tiện. Vả lại chân như có đầy đủ Hằng sa Phật pháp. Lấy trí làm môn, lấy thức làm môn đều nhiếp tất cả.

Trong Bồ-tát Địa chếp: Pháp này khéo léo thành, gọi là phương tiện.

Mười Địa nói: Chung, đồng, thành, biệt dị, hoại. Lấy chung đối với biệt mà làm phương tiện vậy. Bao gồm có phép tắc gọi là phương, dùng ít dung nạp nhiều gọi là tiện.

- Quyền xảo phương tiện: Thật không có việc này, vì ứng vật

quyền biến hiện ra nên gọi là phương tiện. Nghĩa là dùng ba nghiệp làm phương tiện mà giáo hóa. Đây đối với thật trí gọi là phương tiện. Lợi vật phép tắc là Phương, tùy thói cứu độ gọi là tiện. Thể này xuất xứ từ trong phần lập ra phương tiện lại không có nghĩa riêng, nên thể chỉ có ba:

Nay đây giải thích có ba:

- 1) Hiển hạ phương tiện chỉ dẫn dắt chúng sanh.
- 2) Hiển thượng phương tiện, chỉ hiện hiển bày lý sâu mầu.
- 3) Hiển chung khắp phương tiện ở thượng hạ.

- Hiển hạ phương tiện, kinh này phần dưới có nói. Cõi Phật Mười phương chỉ có một pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba. Trừ Phật phương tiện nói.

Lại nói: Chánh ngay bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, tức là quyền xảo phương tiện trong bốn phương tiện. Đây có ba:

1. Thân phương tiện cầm đồ hốt phân mặc áo thô rách ở Già-da thành đạo.

2. Ngữ phương tiện: Văn dưới nói chín bộ pháp này của ta nhập vào Đại thừa làm căn bản. Lại hướng về Ba-la-nại xoay bánh xe pháp bốn đế v.v...

3. Ý phương tiện: Văn kinh dưới nói: Xét nghĩ các Phật quá khứ thật hành năng lực phương tiện. Nay ta đắc đạo cũng nên nói pháp Ba thừa. Trên đồng với Chư Phật, dưới thuận với hữu tình.

Kinh Phật Địa chép: Phật dùng trí thành sở tác khởi ba nghiệp giáo hóa chúng sanh, cũng đồng với ý này. Theo như ở đây giải thích rằng. Lập ra đáng làm phép tắc gọi là phương, khéo thuận cơ nghi gọi là tiện. Luận Vãng sanh chép: Ngay thẳng gọi là phương. Ngoài đã xong làm tiện thì phương là phương thuật. Tiện là ẩn chứa sự thuận tiện, phương của tiện là phương tiện.

- Hiển trên gọi là phương tiện: Vô Cấu Xưng gọi là có phương tiện cho nên mở ra. Không có phương tiện nên trói buộc. Kinh này giải thích: Ta lập ra phương tiện ấy, khiến cho chúng sanh nhập vào trí tuệ Phật. Chư Phật đều dùng vô lượng phương tiện độ thoát chúng sanh, nhập vào trí vô lậu của Phật. Đầu tiên lập ra phương tiện, sau hiển rõ Phật trí. Tức lập ra phương tiện trong bốn phương tiện. Lý diệu đáng làm phép tắc gọi là phương, xảo dụng năng hiển gọi là tiện. Ý nghĩa thì sâu xa mà lời thì xảo diệu, tiện thông giáo lý, tiện của phương thì gọi là phương tiện.

- Thông suốt phương tiện trên dưới.

Kinh dưới Đại chúng nghi nói: Vì sao Đức Thế Tôn hết lời khen

ngợi phương tiện mà nói là: Chỗ đặc pháp của Phật sâu xa khó hiểu, ngôn ngữ ý thú khó biết. Phương tiện là chung, hai câu dưới là riêng, chỗ đặc pháp của Phật là nói rõ trên. Nay nói nhất thật, ngôn ngữ ý thú là hiển hạ phương tiện, nêu rõ ba quyền xưa. Lại nói Phật đều biết lý ấy, đã dùng các phương tiện thí dụ ngôn từ phương tiện khiến tất cả chúng sanh đều vui mừng, tiếp dưới mà hiển bày trên, cả hai đều dụng thông, tức mười hai thứ phương tiện khéo léo Ba-la-mật-đa, tùy ứng mà phối nhiếp.

Phương là pháp tắc thống nhiếp nhân tình. Tiện là lý thích nghi cần cứu giúp muôn vật. Phương là phương pháp, phép tắc. Tiện là cần thuận tiện thích nghi. Tình là hữu tình. Cơ là cơ yếu. Phương pháp thống nhiếp cơ tình, cơ nghi gọi là phương, thông suốt người và pháp, vật là nhân vật. Lý là đạo lý. Đem đạo lý cần thích nghi làm lợi ích cho nhân vật gọi là tiện. Lợi người ích pháp. Ý này nói là quy tắc lợi người ích pháp, nên gọi là phương tiện. Vừa phương vừa tiện nên gọi là Phương tiện. Do nghĩa này suy ra mà chung cả ba giải thích. Ba thứ đó hợp lại là mười hai thứ phương tiện khéo léo Ba-la-mật-đa tùy ứng mà phối nhiếp. Luận Du-già quyển bốn mươi lăm nói có mười hai thứ. Sáu thứ đầu y vào nội tu chứng. Sáu thứ sau y vào ngoại thành thực. Sáu nội tu chứng là: Bi tâm thương xót, biết rõ các hành, ưa thích diệu trí Phật, không bỏ sanh tử, luân hồi không nhiễm, mạnh mẽ tinh tấn. Sáu thứ ngoài là: Khiến thật hành ít thiện như bố thí mà cảm quả vô lượng. Khiến thật hành ít lực như giới, v.v... mà dẫn đại gốc lành. Người ghét Thánh giáo, thì trừ sự nhuế não kia, người trụ trung đạo giúp họ hưởng nhập. Người đã hưởng nhập thì khiến cho thành thực. Người đã thành thực thì khiến cho giải thoát. Trong đây phương tiện tiếp dưới là thành thật sáu thứ ngoài, hiển trên là sáu thứ thành thực nội chứng, thông hợp cả trong ngoài là mười hai thứ. Trong mười hai thứ vì thành bốn thứ sau lại tu sáu thứ phương tiện khéo léo:

Một là thuận theo hội thông: Sắp vì chúng sanh nói pháp, trước hiện thân, ngữ tốt đẹp, mềm mỏng khả ái, khiến cho sanh ái kính, khởi ưa thích pháp, rồi dần vì nói. Chúng sanh không hiểu pháp không mật ý ngôn giáo. Tất cả các pháp vô tánh vô sự vô sanh và diệt như huyễn như mộng v.v... như lý hòa hội. Các kinh kia không nói thể của tất cả pháp đều là vô sở hữu, chỉ vô sở chấp thì mới có thể nói tự tánh. Căn cứ vào Bạc nhất nghĩa chẳng phải tự tánh đó. Tánh sự đã vô sở hữu thì hữu đâu có sanh diệt! Lại như huyễn mộng thì chẳng như hiển hiện ra. Lại chẳng phải việc kia là vô sở hữu, nên nói như huyễn để cho người biết rõ.

Hai là cùng lập khế ước: Thấy có người đến cầu, trước cùng lập ra khế ước, khiến cho người biết được ân đức, trì tịnh giới cung kính cúng dường, sau đó mới cho họ.

Ba là khác phần ý thích: Cùng lập khế ước rồi mà người kia không mau hành trì, vì ý lợi ích. Trước hứa mà không cho, vì trước kết làm bạn thân, thuận theo mà giáo hóa họ. Người kia không theo tu học thì hiện tướng nổi giận. Họ làm trái ngược, thì giả như không tùy theo làm ích. Những tướng này là lúc quyền biến, ngoài hiện tướng xả bỏ, chẳng phải bên trong ý ưa thích, hoặc không vì cứu giúp.

Bốn là ép buộc làm: Có năng lực tự tại. Đối với thân thuộc có thể dạy bảo. Với người hủy giới không biết ân đức. Hoặc người bị khiển trách đuổi đi, dứt hết các sở cầu, cũng làm cho họ biết tu tập.

Năm là thi ân báo ân. Với người mình từng chịu ân đức trước kia, mong giúp họ tu thiện để báo đáp. Đó gọi là Đại báo ân.

Sáu là rất ráo thanh tịnh: Đạo quả tròn đầy rồi thì trụ vào cõi trời Tri túc... cho đến hạ sanh thành Chánh giác, khiến cho người sanh tâm ưa thích mà vãng sanh tùy dưới đây, thỉnh xoay bánh xe pháp rộng vì lợi ích khắp. Đây cũng tức là thuận theo hội thông trong sáu phương tiện. Hội Ba thừa xưa là quyền, thông Nhất thật nay để quyết trạch. Trong Duy thức lại nói có hai thứ:

a, Cứu giúp phương tiện khéo léo cứu đo, tức sáu thứ ngoài.

b, Hồi hướng phương tiện. Khéo léo tức là sáu thứ nội chủng. Tùy sự thích ứng đều thuộc phương tiện này.

- Nêu ra thể tánh: Phương tiện là lấy trí tuệ làm tánh Vô phân biệt trí nội chứng cảnh chân. Trong hậu đắc trí vì lợi tha nói pháp, năng khởi diệu dụng phương tiện, lấy hậu đắc trí làm tánh. Trong Duy thức nói năm pháp Ba-la-mật-đa sau đều lấy hậu đắc trí làm tánh, tánh năng, sở thuyên mỗi đều khác nhau, do nơi trí mà hiển bày, nên nay từ căn bản lấy trí làm tánh.

Phần dưới giải thích bốn văn: Trong chu thứ nhất có bốn phần:

1. Đức Thế Tôn hiểu dụ.
2. Ngài Thu Tử lãnh hội.
3. Như lai nói pháp thành tựu.
4. Phật thọ ký cho.

Giống như văn nói trung căn, hạ căn cũng có bốn: Trong bốn phần này thì đầu tiên là phẩm Phương tiện. Ba phần sau đều ở trong phẩm Thí dụ. Trong lời hiểu dụ của Phật, luận phán làm năm:

1. Khen ngợi pháp thắng diệu, “Ta từ khi thành Phật” v.v... trở

xuống.

2. Khen ngợi công đức Pháp sư tức từ câu: “Bấy giờ trong chúng bậc A-la-hán các lậu đã hết.”

3. Đại chúng định nghi, từ câu: “Phật bảo Xá-lợi-phất: Thôi thôi không nên nói nữa. Nếu nói việc ấy thì tất cả thế gian đều sẽ kinh nghi...”

4. Định ký: “Xá-lợi-phất Chư Phật xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẫn đực này”...

5. Phần dứt nghi; pháp là thầy Chư Phật. Người do pháp mà thành tựu công đức. Người là năng hiển, pháp nhờ người mà được mở mang truyền bá.

Đầu tiên khen ngợi pháp mâu, sau khen ngợi sự thù thắng của người. Các Thanh văn lấy việc tự sở chứng để làm chắc chắn, nghe khen ngợi pháp nói nên có nghi sanh. Cho nên có phần định nghi. Tâm Phật vì trước đã chắc chắn rồi, nên nói “thôi đừng cố thỉnh” khiến cho người xấu phải rời chỗ ngồi bỏ đi. Đã vậy, lại giải thích rõ ràng nghĩa đó nên có phần định ký. Mọi người trong chúng nghe nghĩa nói trước kia lại có người nghi. Phật liền giải thích lại. Cho nên có phần dứt nghi, bèn thành năm phần: Hoặc chia ra làm hai. Phần đầu khen ngợi pháp và sư mâu nhiệm, chúng bèn nghi sanh; phần sau Phật lại chắc chắn thọ ký giải thích, chúng vẫn còn nghi, nên Phật giải thích lại nghi này, nên chia làm hai. Nay trong phẩm này chia làm bốn: Phần đầu là trước sâu xa, xướng báo để cảnh tỉnh, quán sát tâm chúng sanh, kể bốn chúng kinh nghi, phát khởi lời thỉnh của Thân tử. Thứ ba là khai ra thật tướng này mà khởi lên quyền môn. Bốn là khuyên phát hỷ tâm khiến ưa thích thành Phật, như ba hàng tụng ở cuối phẩm này nói.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến đều không thể biết”.

- Tán: Hai nghĩa sâu xa là trước xướng cảnh báo, và tâm quán sát tâm chúng sanh. Trong văn có hai:

Văn xuôi và Trùng tụng.

Văn xuôi có hai:

1. Khen ngợi pháp mâu đã chứng đã nói:

2. “Ta từ khi thành đạo...” khen ngợi thân Như lai năng chứng năng nói pháp sư thắng diệu.

Trong phần đầu có hai:

1. Nêu chung phần thắng diệu.

2. Tức câu: “Vì sao” trở xuống là giải thích sự thắng diệu này.

Trong phần một lại có hai:

1. Nói về sự tự tại, theo định mà khởi,
2. Bảo với Thu Tử.

Chính là trình bày những điều sẽ nói. An là nghĩa thông thả. Tường là xét kỹ. Luận chép: Dùng trí như thật quán từ Tam-muội an tường mà khởi. Xuất định rồi bảo Xá-lợi-phất: Như lai thị hiện đặc lực tự tại. Như lai nhập vào định không ai có thể đánh thức. Quán vô lượng nghĩa xứ định gọi là như thật trí quán. Định của Phật rất cao siêu, nhập rồi người khác không thể đánh thức Phật khiến cho từ định mà khởi. Nếu không phải Phật xuất định, thì người khác không thể khiến xuất định, cho nên tự mình từ định khởi ra.

Lại hiển bày Phật ở trong định ra vào tùy ý tự tại. Tức là do hai nghĩa mà xuất định. Tuy là Tam-muội vô lượng nghĩa xứ mà phần nhiều là Tứ thiên có công đức thù thắng.

Phật không nói với người khác mà chỉ nói với Xá-lợi-phất đó là tùy theo trí tuệ sâu xa mà tương ứng với Như lai.

Nghĩa là ngài Xá-lợi-phất ở trong các thanh văn là bậc thượng , là người có trí tuệ lợi căn, một lần nghe qua thì sâu giải ngộ nhập trước tiên. Khi Phật nói pháp thì ứng hợp căn cơ. Do trí tuệ Phật rất là bậc nhất căn và pháp phù hợp nên gọi là tương ứng.

Tương ứng nghĩa là thuận theo, chẳng phải trí tuệ tương tự gọi là tương ứng. Căn hợp Phật pháp gọi là tương ứng, cho nên không nói với Bồ-tát.

Luận có năm nghĩa:

1. Những việc làm của chúng Thanh văn, kinh Pháp mầu Liên Hoa là Phật nói cho thanh văn nghe. Việc làm của Thanh văn là xả bỏ pháp thức thừa mà chẳng phải việc Bồ-tát.

2. Vì các Thanh văn hồi hướng quả Đại Bồ-đề. Khiến họ phát tâm hướng đến quả Đại thừa.

3. Đây là hộ trì tâm e sợ yếu đuối của Thanh văn. Nếu Phật nói cho hàng Bồ-tát, thì Thanh văn cho pháp Nhất thừa này mình không dự phần, tâm sanh khiếp sợ không thể tiến tu. Nay bảo Thanh văn để họ dứt trừ ý này: “Các ông phải dứt trừ tâm yếu đuối”.

4. Khiến cho người khác khéo tư duy là khiến cho Thanh văn khác khéo suy nghĩ. Ngài Xá-lợi-phất đã được thấm nhuần lời Phật bảo, chúng ta là đồng hạng với Xá-lợi-phất cũng nên được Phật bảo, mà sanh lòng kính tin sâu khởi tâm tu học.

5. Vì các Thanh văn không khởi tâm các việc làm đã xong. Xưa Thanh văn cho rằng quả diệt đã đắc được là đã tròn đủ. Nay Phật khen

ngợi pháp mâu nói những việc mà họ không biết, khiến cho bỏ tiểu tâm.

Bồ-tát đối với năm việc hoàn toàn không tương ứng, cho nên tuy là lợi căn, mà Phật không chánh thức bảo, bảo riêng thì không hợp chung. Bảo người Ba thừa vì có nghi hối tức là khiến đều dứt trừ nghi. Chánh thức bảo là hàng tánh bất định và những người khác tùy ý hành trì. Pháp được khen ngợi lược có hai thứ:

1) Trí tuệ.

2) Trí tuệ môn.

Cho nên luận chép là có hai nghĩa rất sâu:

1. Chứng sâu xa là trí tuệ.

2. A-hàm sâu xa là môn trí tuệ.

Trí tuệ môn là giáo năng thuyên. Trí tuệ sâu xa là lý sở thuyên.

Tiếng Phạm là: A-cấp-ma Hán dịch là Giáo, hoặc dịch là Truyên. Từ thời thượng cổ Chư Phật truyền đến bây giờ. Nghĩa sâu xa này có cả giáo và lý. Nhưng lý là chính được gọi sâu xa, môn sâu gọi là “khó thấy, khó biết v.v...”

Nhị thừa không biết cũng có cả hai pháp này, ngoài ra thuộc riêng hai pháp giáo và lý ý luận như thế.

Luận chép: Trí tuệ là nghĩa. Nhất thiết chủng, Nhất thiết chủng trí. Trí của người Nhất thiết trí gọi là trí Nhất thiết trí thể chung cả tánh tướng gọi là Nhất thiết chủng, tức quả vị Phật Niết-bàn, Bồ-đề. Hoặc Nhất thiết trí đó là Vô phân biệt trí. Lại nói trí đó là Hậu đắc trí. Nghĩa đó là cảnh. Tức là cảnh trí của Nhất thiết trí, nên gọi là trí Nhất thiết trí. Thế nào gọi là Nhất thiết trí, nghĩa là Nhất thiết chủng, tức như không như hữu, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, như giáo như lý thì gọi là Nhất thiết chủng. Chủng nghĩa là chủng loại. Pháp thể chủng loại rất nhiều chẳng phải một, nhiếp hết tất cả gọi là Nhất thiết chủng, nghĩa là Nhất thiết chủng này là cảnh của Nhất thiết trí. Tức cảnh nhất thiết chủng này gọi là trí tuệ sở thuyên. Nay dùng lý bao trùm cả thì trí tuệ có năm, nhiếp hết tất cả pháp mới gọi là Nhất thiết chủng.

1. Tánh trí tuệ: Nghĩa là chân như. Cho nên kinh ở dưới nói: “Chỉ có Phật rốt ráo biết hết thật tướng các pháp”. Luận tự giải thích: Tánh Như lai Tạng làm thể, khuấy động pháp thành tự người. Chỗ thành tựu của người là trí tuệ, cho nên dẫn văn dưới để chứng minh.

2. Tướng trí tuệ: Tức là năng quán vô lậu chánh thể. Hai trí Hậu đắc làm thể. Dưới nói các trí phương tiện kiến đều đã đầy đủ. Tư duy cùng tận cùng với ước lượng cũng không thể suy lường được Phật trí.

3. Bạt trí tuệ: Là trần sa muôn đức công đức hữu vi. Dưới nói: “Trí kiến Như lai rộng lớn sâu xa, có lực vô lượng vô ngại, vô sở úy đều đầy đủ tất cả”.

4. Nhân trí tuệ: Là nghĩa giáo năng thuyên và muôn hạnh. Ở dưới nói: “Trí tuệ môn khó hiểu khó vào”. Luận chép là A-hàm sâu xa. Lại luận dẫn trong văn kinh chép: Như lai có thể nói tất cả pháp, bằng đủ loại ngôn từ. Lại nói: Trọn hành trì vô lượng đạo pháp của Chư Phật”.

5. Cảnh trí tuệ: Nghĩa là cảnh như không như hữu, chân đế, tục đế hữu vi, vô vi. Kinh nói: Như thị Tướng, như thị Tánh”. Nay nói trí tuệ môn đã là phương tiện, thì giáo năng thuyên sâu nên lý sở thuyên cũng sâu. Tức bốn tuệ còn lại nghĩa tuy có thể vậy, nhưng đều nương theo các giáo, trong năm pháp sâu xa này, phần nhiều chỉ lấy tuệ tánh chân như làm thể, dùng A-hàm sâu xa tức là ba giáo xưa. Chứng sâu xa tức là thể Nhất thừa. Vô thượng sâu xa là đại Bồ-đề. Thế nên trong kinh Thắng-man nói: “Thể Nhất thừa chỉ là chân như”. Tức là Đảo châu báu trong phẩm Hóa thành. Nay trong kinh này y vào thắng tuệ chân thật chỉ lấy tánh trí, tướng trí làm thể. Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, vì nhiếp tất cả. Nhà lửa xe trâu tức là tướng trí. Nói xe trâu riêng mà cùng là một. Đảo châu báu xưa đã có tức là trí tánh. Chúng cùng giữ lấy, thị hiện ngộ nhập trí kiến tức là hai vậy. Do đây mà có ba tự thành khác. Dưới nói: Một đại sự nhân duyên, tức là hai trí tuệ này nhân như quả. Nghĩa là trí tuệ này là chân lý Nhất thừa. Trí tuệ môn đó là ba thừa quyền giáo. Nêu chung hai giáo lý quyền thật riêng biệt lý giáo, là muốn cho người Nhị thừa hành nhân chứng quả mà bỏ quyền giữ thật. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Do kinh này bốn trí rất ráo đặc Niết-bàn Nhị thừa... là phương tiện của Phật. Muốn họ xả bỏ Nhị thừa quyền mà giữ Nhất thừa thật.

Chứng pháp sâu xa, luận chép có hai nghĩa: Một là thể diệu, hai là ít có hiểu.

Thể diệu là: Luận chép chứng sâu xa có năm thứ.

Khó hiểu: Luận chép lại sự sâu xa đó tất cả người thanh văn, Bích-chi-phật không thể biết được. Năm pháp sâu xa này xưa nay chỉ y vào chân như mà giải:

1. Nghĩa sâu, nghĩa sai khác.
2. Thể sâu tự thể tánh.
3. Nội chứng sâu chánh trí, nội chứng trí khác không được.
4. Y chỉ sâu pháp giới, pháp đánh căn bản của Chư Phật.
5. Vô thượng sâu thể tối thắng. Nghĩa là Đại Bồ-đề tức là quả Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sở chứng . Nếu kiêm quán chiếu tánh trí, tướng trí hợp lại gọi là năm chứng nghĩa.

Sâu xa là ý nghĩa rất sâu xa, là dụng của chánh trí như. Thể sâu xa nghĩa là chân như, là bốn tánh của pháp. Nội chứng sâu xa là hiển rõ lại chánh trí. Bên trong sâu xa thì gọi là sâu. Y chỉ sâu đó là hiển rõ lại chân như, là căn bản của tất cả đức nên gọi là sâu.

Vô thượng sâu là Đại Bồ-đề. Đại Bồ-đề là quả chứng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề của Như lai. Trong luận Kim cương Bát-nhã của ngài Vô Trước có nói: Vô thượng Bồ-đề là lý pháp thân. Tam-miệu-tam-bồ-đề là báo thân trí. Đây tức là hai thứ chung hiển này. Thể vượt qua tất cả cho nên gọi là sâu. Đây chính là bốn ý. Nếu chung nghĩa mà giải thích, hoặc tùy theo sở ứng, sở thuyên bốn tuệ đều có bốn sâu: Nghĩa, thể, chứng, y. Hoặc bốn pháp trí tuệ là: Tướng, tánh, bạn, cảnh. Như thế lần lượt nêu ra bốn thứ sâu xa. Chỉ Vô thượng sâu xa tại nơi quả Bồ-đề là chủ của các đức. Lại không phải thí dụ để thí dụ, suy nghĩ để suy nghĩ được gọi là sâu xa. Phần trên giải thích nghĩa sâu xa chỉ ở trí tuệ mà không thông tuệ môn. Y theo luận mà giải tuệ môn cũng có năm: Luận gọi là câu chung A-hàm sâu xa, tức là năm việc ít có. Vô lượng là trí tánh, trí tướng, trí bạn, trí cảnh. Thể biến dụng khắp, đức đầy đủ, pháp rộng lớn, như hư không không có hạn lượng, đức số vô cùng, chung cuộc ắt cũng vô tận, nên gọi là vô lượng. Nay chỉ nói tánh trí, tướng trí, hai thứ có nghĩa vô lượng mà thể, đức, tác dụng đều là đầy đủ vô hạn vô cùng tận. Môn trí tuệ đó rất sâu cũng có hai nghĩa: Một là thể diệu, hai là ít có hiểu.

Thể diệu đó, luận dẫn trong kinh nói: Trí tuệ môn đó là ít có thấy, khó biết, khó giác, khó hiểu, khó nhập, đầy đủ năm nghĩa khó này.

- Khó hiểu là: Người Nhị thừa không biết:

Một là do nghĩa trí sâu xa, cho nên môn đó là ít có thấy.

Hai là do thể trí sâu xa, nên môn đó khó biết.

Ba là do trí nội chứng sâu xa, nên môn đó khó biết.

Bốn là do trí y chỉ sâu xa, nên môn đó khó hiểu.

Năm là do trí Vô thượng sâu xa, cho nên môn đó khó nhập. Dùng giáo năm nghĩa khó mà phối hợp riêng năm thứ trí tuệ sâu xa. Lại tuệ có hai: Một là phàm, hai là Thánh. Phàm có hai trí: Một là Hiện trí, hai là Tỷ trí. Hiện trí của phàm không biết gọi là ít có thấy. Tỷ trí không biết gọi là ít có giác. Thánh trí có hai: Một là hữu lậu, hai là vô lậu. Trí hữu lậu thế tục bất liễu gọi là ít có biết. Vô lậu trí có hai: Một là Căn bản, hai là Hậu đắc. Đầu tiên vì vô lậu trí không biết nên gọi là ít có

hiểu. Hậu vô lậu trí không biết gọi là ít có nhập. Nhập đó nghĩa là chứng giải. Nay trong kinh này chỉ có hai: Vô lậu trí không biết cho nên khó hiểu khó nhập. Chung hiển bày khó liễu hai thứ chứng, giáo nên nói: “Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể biết, chỉ Phật mới biết. Nay Phật sở dĩ khen ngợi hai nghĩa rất sâu, luận tự giải thích: Vì các đại chúng sanh tâm tôn trọng rất ráo muốn nghe Như lai nói pháp, vì làm nguyên nhân gần cho sắp đến đây Phật sẽ nói pháp chân thật Nhất thừa mà Phật sở đắc, thật là sâu xa khó hiểu. Khen ngợi trí rất sâu, để làm rõ sự khen ngợi vá nói ý thú khó hiểu. Ở văn dưới và làm nguyên nhân gần nói Nhị thừa là quyền phương tiện. Trước khen ngợi pháp môn sâu mầu khiến người phát tâm hi vọng được nghe. Nếu không như thế, chỉ nên khen ngợi trí tuệ sâu xa, gồm muôn đức để thành tựu quả Phật .

- Kinh: “Vì Sao?... ý thú khó hiểu.

- Tán: Phần này giải thích nghĩa A-hàm sâu xa ở trước. Trong đây có hai: Một là chứng, hai là hiển.

Vì sao? Vì Pháp Phật sở đắc gọi là giải thoát. Ba thừa đều giải thoát, Nhị thừa cũng được nói giáo phương tiện tức cũng đã y vào đó mà học. Như thế vì sao nay nói hai thứ Nhị thừa này là không biết không thấy?

Đây dẫn ra ý này là trí tuệ của Phật, Nhị thừa chưa đắc được để gọi là sâu xa. Trí tuệ môn mà Nhị thừa đã được, đâu gọi là sâu xa! Nói Nhị thừa không biết, hoặc dựa vào giải thích đầu tiên. Vì sao? Vì sở đắc giải thoát của hàng Ba thừa tuy đồng mà Bát-nhã, pháp thân tướng, tánh trí tuệ, họ đều chưa đắc, ông nhất định không biết; lại trí tuệ môn kia họ cũng chưa rõ. Ở dưới đây chỉ giải thích tám loại sâu xa A-hàm. Muốn hiển bày Nhị thừa còn không thể biết sự sâu xa của giáo, hướng chỉ trí tuệ của Phật là y vào phần thứ hai mà giải thích. Vì sao? Trước đã nêu giáo môn sâu xa đó, nay sẽ nói đầy đủ rõ ràng. Do đó mà từ phần này trở xuống chỉ hiển bày giáo lý sâu xa. Luận nhắc lại trong kinh có tám câu, nay văn này chỉ nói sáu câu. Y theo luận thì nên nói: “Phật từng gần gũi trăm ngàn muôn ức vô số Chư Phật, trọn tu vô lượng đạo, pháp của Chư Phật, mạnh mẽ tinh tấn danh tiếng vang khắp thành tựu pháp sâu xa chưa từng có, pháp khó hiểu đó Như lai có thể biết, tùy nghi mà nói, ý thú khó hiểu. Tất cả người thanh văn Bích-chi-phật không thể biết được”. Tức thêm vào câu thứ sáu trong kinh này câu: “Pháp khó hiểu đó Như lai đều có thể biết. “Và cho vào trong câu thứ tám nói: “Tất cả người thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể biết”, thành ra tám nghĩa sâu xa.

- Câu thứ nhất nói: “Phật từng gấn gũi trăm ngàn muôn đức vô lượng Chư Phật” tức là thọ trì đọc tụng nghĩa sâu xa. Đây là nói về Đức Thế Tôn trải qua ba đại kiếp cúng dường hai mươi sáu hằng hà sa Chư Phật. Ở chỗ các cõi Phật kia thọ trì đọc tụng pháp môn này. Gọi là sâu xa, chẳng phải như người Nhị thừa đơn giản liền hiểu được cho nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ hai nói: “Hành trì đạo pháp vô lượng của Chư Phật” tức là tu hành sâu xa. Phước trí hai lợi đạo hành của Chư Phật đều hành trì. Chẳng phải như người Nhị thừa lược gọi tu nhân, gọi là sâu xa, mà các thừa dưới y theo đây đều biết.

- Câu thứ ba: “Mạnh mẽ tinh tấn”: Quả hành sâu xa, quả là quả chắc chắn. Tinh thuần mạnh mẽ kham chịu sự mệt nhọc, việc làm đều thành tựu nên gọi là quả chắc chắn. Hoặc do tinh tấn mà việc làm khéo thành, nay đạt được quả thắng diệu gọi là quả sâu xa. Như nghe một câu kệ, nửa bài kệ mạnh mẽ gieo mình vào lửa, xả thân sáu năm khổ hạnh bước chân bảy ngày kiêng chân lên, chẳng phải là không có sự chuyên tinh siêng nhọc mà được.

- Câu thứ tư: “Danh tiếng vang khắp: Tâm thêm lớn công đức sâu xa. Do danh tiếng vang xa, phạm Thánh đều nghe biết, còn cố gắng bản thân siêng năng lại thêm tu đoạn. Công đức tự tâm lại càng thêm lớn. Hoặc danh tiếng vang xa mọi người đều nghe, đều là tâm thêm lớn công đức. Tất cả mọi người đều nghe biết nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ năm: “Thành tựu pháp sâu xa chưa từng có:” Tâm vui sự mầu nhiệm sâu xa. Do thành tựu pháp là sự vui thắng diệu chưa từng có. Tâm năng thành cũng làm cho vui mầu nhiệm. Tâm vui mầu nhiệm nói nên giáo khó biết.

- Câu thứ sáu: Pháp khó hiểu đó: Như lai có thể biết tức là pháp Vô thượng sâu xa. Do pháp thật khó hiểu mà Như lai có thể biết, nên pháp môn này trở thành vô thượng. Hoặc thể của pháp khó hiểu tức là vô thượng, chỉ Phật mới có thể biết nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ bảy: “Tùy nghi mà nói ý thú khó hiểu”. Nhập sâu xa tức ý thú văn chương văn tự khó đắc. Phật tự trụ, trì, nhập giải ý này, không giống như ngoại đạo, tự thân không hiểu làm sao giải thích cho người khác hiểu. Nói pháp nhân duyên nghĩa rất sâu xa. Nhập có hai nghĩa: Một là ít có nhập giải chỉ Phật tự giải; hai là tùy nghi mà nói khiến cho người nhập vào pháp ấy. Ý thú khó hiểu đó gọi là sâu xa.

- Câu thứ tám: “Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không thể biết: Là sở tác sâu xa của Phật không đồng với Thanh văn, Bích-chi-phật, đã

hành trì, giữ gìn; không đồng sở tác nội lợi, ngoại lợi của họ, nên gọi là sâu xa. Trên đây là chung nói do gần gũi Chư Phật mà thọ trì, đọc tụng, tu hành, mà quả quyết thêm lớn công đức tâm chứng sự vui nhiệm màu, thành tựu pháp Vô thượng, nên tùy nghi nói, khó thể được hiểu, người Nhị thừa không hiểu trí tuệ môn ấy nên gọi là pháp sâu xa khó hiểu khó nhập. Huống chi trí tuệ Phật chẳng phải là sâu xa sao?

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến... các thứ Thí dụ”.

- Tán: Trên khen ngợi pháp Phật nói và chứng đắc đều thắng diệu. Phần dưới khen ngợi Như lai bậc Pháp sư năng chứng, năng nói đều thắng diệu, theo luận chép lại kinh, thứ lớp phần dưới nên nói: “Vì sao? Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai tự tại nói nhân thành tựu. Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ niệm quán, các thứ ngôn từ. “Câu trên đây là chung, câu dưới giải thích câu trên nói: “Xá-lợi-phất! Ta từ khi thành Phật đến nay, ở trong các nơi, đều giảng rộng nói ngôn giáo dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh, khiến cho họ xa lìa mọi sự chấp trước”.

Ý này lần lượt nói: Do thân Như lai đối với lý tự chứng được thành tựu tự tại mà nói nhân tròn đầy. Do đó mà nay nói trí tuệ sở chứng và môn trí tuệ. Cả hai đều sâu xa. Vì sao gọi là nói nhân thành tựu? Nghĩa là các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ niệm quán, các thứ ngôn từ, ba pháp đều ở đây hợp lại gọi là nhân duyên, là đạo lý nhân duyên. Ngôn từ gọi là thí dụ, vì ngôn từ nói nhiều đến thí dụ. Y theo luận giải thích kinh thì từ câu “Các thứ thí dụ” trở lên gọi là câu chung. Rộng nêu ở dưới gọi là câu riêng. Lần lượt thích luận có ba cách giải thích: Đầu tiên luận tự giải thích riêng bốn câu đầu; kế Luận lấy các câu dưới của kinh hai lần phối hợp bốn câu này, cuối cùng là hai phen phối hợp. Giải thích đầu tiên có ba nghĩa:

Một là nói về xứ nêu nghĩa câu thứ tư, nói rõ Nhất xứ. Lần đầu giải thích riêng: Như lai thành tựu bốn thứ công đức, có thể hóa độ chúng sanh:

I. Xưa thành tựu: Nghĩa là Phật dùng các thứ phương tiện từ cung trời Đâu-suất hạ sanh... cho đến thị hiện nhập Niết-bàn. Thường qua lại mười phương mà hóa độ khó nghĩ bàn. Bát tướng thành đạo làm lợi ích chúng sanh, dụng trí khéo léo nên gọi là phương tiện.

Bát tướng là: Trong kinh Đại Bát-nhã quyển năm trăm sáu mươi tám chép:

1. Bồ-tát cung trời Đâu-suất hạ sanh vào thai mẹ.
2. Tuổi nhỏ.

3. Trưởng thành.
4. Khổ hạnh.
5. Thành đạo.
6. Hàng ma.
7. Xoay bánh xe pháp.
8. Nhập Niết-bàn.

Vì sao thị hiện tám tướng? Kinh nói: Bấy giờ Thiên Vương Tối Thắng lại bạch Phật rằng: Vì sao Bồ-tát hành sâu Bát-nhã? Vì sao độ chúng hữu tình thị hiện các tướng?

Phật bảo Tối Thắng: Tướng sâu xa Bát-nhã là không thể đắc. Tướng các Bồ-tát cũng không thể đắc, chỉ nhờ vào uy lực phương tiện khéo léo, vì chúng hữu tình thị hiện từ tướng nhập thai cho đến hóa ra các tướng Niết-bàn. Các vị trời chấp thường cho là không có sự đọa lạc, nên Bồ-tát phá chấp này mà thị hiện nhập thai, để cho các vị trời kia khởi lên ý niệm vô thường. Bậc tối thắng ở trong thế gian đối với dục vô nhiễm, còn có sự đọa lạc, huống chi chúng chư thiên mà lại được chấp thường sao! Thế nên chớ có buông lung mà càng thêm tinh tấn siêng năng, buộc niệm tu đạo. Như thấy mặt trời còn có lúc lặn, tức biết ánh sáng đom đóm há được dài lâu!

Lại có chư thiên buông lung chấp vào lạc thú không tu chánh pháp, buông tình vui chơi. Tuy ở cung trời chung với Bồ-tát mà không đến lễ bái, không thưa hỏi thọ pháp. Có vị nghĩ rằng: Hôm nay thọ vui, ngày mai đến Bồ-tát sẽ học pháp yếu, lại còn bảo nhau: “Ta và Bồ-tát thường ở đây tu hành, làm gì mà vội!” Cho nên, Bồ-tát như cứu lửa cháy đầu, phá tâm buông lung kia mà thị hiện sự đọa lạc, thị hiện như thế có hai nhân duyên:

1. Để chư thiên lìa tâm buông lung.

2. Để cho các hữu tình đều được thấy Phật... như thế thị hiện cho đến tướng thứ tám. Lại, có các trời người thích nghe pháp viên tịch. Bồ-tát vì họ thị hiện vào Niết-bàn. Trong Nhiếp luận Đại Thừa quyển chín nói có khác chút ít. Trong kinh Hoa Nghiêm thị hiện mười tướng đều nói rộng như thế.

II. Giáo hóa thành tựu: Nghĩa là thị hiện các nhân nhiễm tịnh, các thứ tri kiến. Do đầy đủ tri kiến ở trong hóa thân, nên thị hiện ra tất cả nhân tập nhiễm có thể vơi lấy quả khổ. Tất cả nhân đạo tịnh có thể chứng diệt. Hoặc thị hiện các pháp đạo lý nhiễm tịnh. Nhân là nguyên nhân là nghĩa đạo lý. Trước có thể hiện thân, ở trong thân này thị hiện các pháp đạo lý nhiễm tịnh. Luận ở dưới giải thích điều này có khác với

câu thứ tư, đây y chứng vào pháp, kia y vào nói pháp.

III. Công đức rốt ráo thành tựu: Nghĩa là các thứ niệm quán. Lấy việc nói pháp kia mà thành tựu nhân duyên tương ứng đúng pháp. Ý này nói là vì nói các pháp niệm quán. Niệm quán kia Phật đều đã thành tựu như pháp nhân duyên nói, xưa nay đều tương ứng. Nói tương ứng đó là kế ước chứng nghĩa.

IV. Nói thành tựu: Nghĩa là các thứ ngôn từ. Lấy bốn vô ngại y vào chỗ nào? Danh tự chương cú là gì? Tùy theo những gì? Chúng sanh năng thọ pháp gì mà vì họ nói? Dựa vào chỗ nào tức những gì là nghĩa? Là nghĩa vô ngại giải. Những gì là danh tự chương cú, là Pháp vô ngại giải. Tùy theo những gì là tùy theo ngôn ngữ chúng sanh các địa phương, mà nói pháp. Tức Từ vô ngại giải chúng sanh. Thọ pháp gì là nói căn khí chúng sanh có thể thọ, Phật liền nói pháp, là Biện tài vô ngại giải.

Trong bốn thành tựu này thì thứ nhất là hóa thân Phật có khả năng khởi tám tướng thành đạo. Thứ hai: Thị hiện các pháp đạo lý nhiệm tịnh. Thứ ba: Như pháp đã nói Phật đều rốt ráo chứng đắc. Thứ tư đầy đủ bốn vô ngại. Do Phật là vị Pháp sư có đầy đủ bốn thứ nên nói nhân thành tựu thành thắng diệu, pháp nói đó cũng thắng diệu. Luận giải thích bốn câu rồi, kể lại giải sự sai khác về câu thứ hai, câu thứ tư: Giáo hóa thành tựu là y theo chứng pháp. Nói thành tựu là y vào sự nói pháp. Y vào sở chứng đạo lý nhiệm tịnh của khổ tập diệt đạo thứ lớp vì người mà nói, gọi là Giáo hóa thành tựu thứ hai. Y vào pháp nói mà nói. Nghĩa pháp từ biện theo thứ lớp vì người nói gọi là nói thành tựu thứ tư thì không loạn vậy.

Hoặc bốn thứ trước, câu thứ nhất là đức của hóa thân. Câu thứ hai là báo thân đức. Câu thứ ba là pháp thân đức. Câu thứ tư là Bốn biện đầy đủ. Do ba thân bốn biện đầy đủ này nên có thể khởi nói. Ba thân đầy đủ nên trí tuệ sâu xa. Bốn biện đầy đủ nên tuệ môn sâu xa, nhân duyên này tức là ba thứ tri kiến phương tiện, niệm quán. Thí dụ là các thứ ngôn từ.

- Kinh: “Rộng nói ngôn giáo cho đến xa lìa chấp trước”.

- Tán: Trên y vào luận văn một lần giải thích chung bốn câu xong.

Luận lại câu thứ hai dùng các câu dưới phối hợp với bốn câu này:

- Đây là phối hợp với câu thứ nhất nói: Dùng các thứ phương tiện.

- Câu kế nói: “vì sao? Phương tiện tri kiến Ba-la-mật” của Như lai đều đã đầy đủ là phối với câu thứ hai “các thứ tri kiến”. Kế đến: “Ngài

Xá-lợi-phất cho đến tri kiến của Như lai cho đến giải thoát Tam-muội” là phối với câu thứ ba c các thứ niệm quán.

Kế câu “Sâu nhập vô cùng cho đến xưa nay rốt ráo”... là phối với câu thứ tư “các thứ ngôn từ.” Luận tuy lấy văn kinh dưới riêng phối hợp bốn câu chung ở phần trên nhưng đầu tiên hai lần giải thích ba câu trên rồi. Lại hai lần này giải thích một câu sau. Văn luận kia rất dài vừa lại khó hiểu thích, lẽ ra dựa vào kinh mà đọc, lần đầu trong đây nên giải thích:

- Lại có nghĩa các thứ phương tiện, tức là chỉ cho thấy các lỗi của tà pháp ngoại đạo và các công đức chánh pháp của Chư Phật. Như trong kinh Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta từ thành đạo đến nay, nói rộng ngôn giáo dùng vô số phương tiện đui dắt chúng sanh, chấp trước khiến cho được hiểu thoát. Văn tuy có chữ ít khác mà đại ý cũng đồng. Giải thích câu vô số phương tiện, lại có bốn lần:

1. Phương tiện: Dùng phương tiện để khiến nhập các thiện pháp.
2. Dứt các nghi.
3. Khiến nhập vào thắng trí tăng thượng .
4. Y theo bốn nhiếp pháp, nhiếp lấy chúng sanh giúp cho được

hiểu thoát.

Trong sáu điều giải thích này là để bỏ tà về chánh tiến thiện pháp, tự nhập vào Thánh trí và khiến cho người giải thoát. Thứ lớp phối hợp là: “Dùng phương tiện này dẫn dắt tất cả chúng sanh để họ lìa hết chấp trước. Trước là chấp bốn, ái nhiễm sanh tử căn bản. Luận chép các chấp trước đó là chấp vào những chỗ kia. Hoặc chấp cõi, chấp địa, chấp phần, chấp thừa.

- Chấp cõi là chấp ba cõi. Chấp địa là chấp: Giới, thủ, Tam muội từ Sơ thiền định địa cho đến Phi tưởng, Phi phi tưởng, định Diệt tận . Tức là thứ lớp lấy chín định làm địa. Giới thủ, kiến thủ, chấp Tam muội này gọi là chấp trước địa.

- Chấp phần là chấp vào phần tại gia đã đồng loại mà gây ra các nghiệp tà kiến.

- Chấp xuất gia phần: Là chấp danh tiếng lợi dưỡng có thể khởi ra các thứ giác sát phiền não. Chấp thừa là chấp vào Thanh văn thừa, thích tu theo tiểu giới để cầu bốn quả. Chấp ở nơi Đại thừa là chấp sự cung kính cúng dường lợi dưỡng. Do chấp mà phân biệt quán sát các pháp tướng, cho đến phân biệt Phật địa.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến đều đã đầy đủ.”

- Tán: Đây là câu thứ hai: Luận lần đầu nói: Lại các thứ tri kiến

đó là tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn cho thanh văn Bồ-tát. Như trong kinh nói: Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như lai, làm phương tiện đạt đến bờ kia, người đến bờ kia rồi thì vượt hơn tất cả các chúng Bồ-tát. Văn có ít không đồng nghĩa mà ý không khác.

- Tri kiến đó là thể của hai trí chân, tục. Căn bản trí gọi là Tri. Hậu đắc trí là kiến, phương tiện là diệu dụng phương tiện khéo léo của trí này. Do tự thân thành tựu cảnh giới bất tư nghì mà đầy đủ tri kiến, cùng chúng Thanh văn gọi là phương tiện.

- Ba-la-mật nghĩa là đến bờ kia. Nói Phật thành tựu thể của hai thắng trí, có công năng thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đã đến bờ kia là vượt hơn tất cả. Do đầy đủ phương tiện diệu dụng của hai trí, lại có thể làm cho người khác đến được bờ kia. Cũng đem cảnh giới tri kiến không thể nghĩ bàn này cho các thanh văn Bồ-tát.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến Tam muội giải thoát”.

- Tán: Đây là câu thứ ba: Luận lần đầu nói:

Lại nói các thứ niệm quán. Như kinh nói: “Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như lai, rộng lớn sâu xa vô chướng vô ngại, lực vô sở úy, bất cộng pháp, căn, lực, Bồ-đề phần, thiền định giải thoát Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ.” Văn ý phần lớn đồng, ít có khác nhau. Nay nói tri kiến. Rộng có nghĩa là vô biên, lớn là Vô thượng, sau là ít có lường, xa là dài lâu vô cùng đến tận vị lai.

Trên đây chính là câu nêu chung các đức. Dùng hai trí làm tánh nên gọi là tri kiến.

Lại các đức này cũng thuộc về quyền thuộc của hai trí nên gọi là tri kiến. Từ “Vô lượng trở xuống...” là các câu nói riêng về đức. Y theo văn kinh thì vô lượng là bốn vô lượng, tức luận chép lại kinh là “không có chướng ngại.” Vô ngại là bốn vô ngại giải. Lực là mười lực. Vô sở úy là bốn vô sở úy, luận bổn nhắc lại trong kinh là: Bất cộng pháp, mười tám pháp bất cộng. Căn nghĩa là ngũ căn, lực là ngũ lực. Bồ-đề phần gồm ba mươi bảy pháp. Bốn thứ trên đây, trong kinh vốn không có mà nói Thiền tức là tứ tĩnh lực trong cõi Sắc. Định là Bốn định cõi vô sắc. Giải thoát là tám giải thoát. Tam muội là tam Tam muội. Tam-ma-bạt-đề nghĩa là cửu Đẳng chí, loại này trong bốn kinh vốn cũng không có. Luận nhắc lại trong kinh có mười ba môn. Nay trong kinh này gồm có tám môn công đức gọi là niệm quán. Thể tức là tuệ giải đã nói, cho nên không thể giải thêm. Nghĩa môn mỗi loại nên tóm tắt phân biệt như sau. Bốn vô lượng dùng năm môn để phân biệt: Một là nêu danh, hai là giải thích danh, ba là nói về về hành tướng, bốn là nêu thể tánh, năm là nói

về sự khác nhau.

- Nêu danh là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng.

- Giải thích danh là: Một là duyên vô lượng cảnh, duyên tất cả hữu tình khởi ra bốn pháp này; hai là khởi vô lượng hạnh, hành giải cũng thật rộng lớn; ba là cảm vô lượng quả, được phước phạm lớn mà thành tựu Như lai. Danh là vô lượng. Bốn là nêu ra số để giải thích.

- Nói về hành tướng đó là pháp giới hữu tình, chung có ba thứ: Một là không khổ không lạc, không điên đảo cho lạc thì gọi là Từ lấy vô sân làm thể; hai là có khổ thì cứu khổ gọi là Bi lấy không hại làm thể; ba là có lạc thì giúp thêm hỷ gọi là hỷ lấy gốc lành không ghét làm thể. Lại đối với không khổ không vui mà khởi lìa tướng si với có khổ khởi lìa tướng sân, với có lạc thì khởi lìa tướng tham. Bình đẳng muốn chúng sanh lìa các ác gọi là xả, khiến cho xả ác lấy khéo xả làm thể.

- Nêu ra thể tánh gán lại có ba pháp: Đó là vô sân, bất hại và xả. Thể của không ganh ghét là không sân, không phân biệt pháp.

- Nói về về sai khác, mỗi pháp này có ba:

1) Hữu tình duyên mà tạo ra hữu tình tướng.

2) Pháp duyên không thấy hữu tình chỉ tác pháp tướng.

3) Là vô duyên. Lại đối với các pháp lìa tâm phân biệt, tướng là chân như. Cho nên gọi là vô duyên. Hoặc pháp vô lượng, duyên với các giáo pháp. Trong ba pháp này, đầu tiên là với ngoại đạo, kể là cùng Nhị thừa, sau cùng chỉ có Bồ-tát. Ba pháp đầu là an vui, một pháp sau là lợi ích, cảm quả có thể biết. Sai khác với đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả có , nghĩa là đây chỉ do thật quán, chỉ Phật khởi. Duyên vào ba cõi mà sanh ra, đều có với vô si. Đây có cả giả thật, có cả phàm Thánh mà khởi lên. Duyên vào giới bất định, chẳng phải là vô si đều có.

- Bốn vô ngại giải phân biệt giải thích theo ba cách: Một là nêu danh, hai là nói về tướng, ba là nêu ra thể.

- Nêu danh là: Một là Pháp vô ngại giải, hai là Nghĩa vô ngại giải, ba là Từ vô ngại giải, bốn là Biện tài vô ngại giải.

- Nói về tướng Pháp là văn giáo danh cú năng thuyên. Nghĩa là các pháp đế lý chân tục sở thuyên. Từ là tiếng nói của các nơi. Biện tài gồm có bảy thứ. Duyên bốn vô ngại này trí không bị vướng mắc, gọi là vô ngại giải. Có nhiều định nghĩa khác nhau như trong Bồ-tát Quyết Trạch Địa và Mười Địa luận có nói.

- Nêu ra thể: Bốn thứ này lấy hậu đắc trí vô lậu làm thể, chẳng phải chứng chân. Nghĩa vô ngại giải cũng có cả chánh trí. Sơ địa đắc từng phần. Cửu địa nhậm vận lìa chướng viên thành thì quả Phật đầy

đủ.

- Mười lực tóm tắt phân biệt theo năm cách: Một là nói về danh; hai là nêu thể; ba là hành tướng; bốn là thứ lớp; năm là các môn.

- Nói về danh có hai: Một là nêu danh, hai là giải thích danh.

Một là phi xứ trí lực.

Hai là Tự nghiệp trí lực. Kinh Đại Bát-nhã quyển năm mươi ba gọi là Nghiệp dị thực trí lực.

Ba là Tĩnh lực giải thoát, Đăng trì, Đăng chí trí lực. Lại gọi là Tĩnh lực giải thoát đăng trì đăng chí tạp nhiệm thanh tịnh trí lực.

Bốn là Căn thẳng liệt trí lực.

Năm là Chủng chủng thẳng giải trí lực.

Sáu là Chủng chủng giới trí lực.

Bảy là Biến thú hành trí lực, Kinh Đại Bát nhã gọi là Biến hành trí lực.

Tám là Túc trụ tùy niệm trí lực.

Chín là Sanh tử trí lực.

Mười là Lưu tận trí lực.

Giải thích danh: Trước giải thích chung, sau là giải thích chi tiết.

Gọi chung là lực thì có khả năng phá trừ kẻ thù, không thể bị khuất phục. Du-già Bồ-tát Địa quyển bốn mươi chín và năm mươi và Quyết Trạch năm mươi bảy. kinh Bồ-tát Tạng quyển năm, Luận Hiển Dương quyển tư. Đối pháp thứ mười bốn, kinh Đại Bát-nhã đều giải thích tướng này, cùng tương ứng với tất cả công năng lợi lạc chúng hữu tình. Cuối cùng khuất phục tất cả ma oán, có đại uy lực nên nói tên là lực. Vì thế dùng uy thế có thể khuất phục những việc ít có khuất phục gọi là lực. Đối pháp gọi là khéo hàng phục chúng ma, khéo hỏi luận ghi nhớ. Cho nên gọi là Mười lực. Mười có nghĩa là số, lực dụng khác nhau, nên có mười thứ gọi là Mười lực. Y theo sáu cách giải thích, đây là giải thích theo số.

Giải thích tên riêng là: Nhân quả tương đương gọi là xứ! Nếu không tương đương thì gọi là phi xứ. Cho nên trong Du-già chép: Quả tịnh bất tịnh chẳng phải không bình đẳng, như nhân như thật chuyển đó gọi là xứ. Xứ nghĩa là kiến lập. Nương vào nghĩa mà khởi nghĩa, có thể kiến lập quả, là vì nhập năng khởi ở quả pháp. Nhân đặt tên xứ nhân bất bình đẳng đều trái ngược với trên nên gọi là phi xứ. Đối với hai thứ này, Nhất thiết trí không vương trí thanh tịnh, trí là tăng thượng mạn gọi là trí. Lực nghĩa như trước. Mỗi pháp đều tự tạo ra ba đời ba nghiệp. Hoặc thuận theo hiện thọ, hoặc thuận theo sanh thọ, thuận theo

hậu thọ, bất định thọ gọi là tự nghiệp. Ở đây chánh tri gọi là tự nghiệp trí lực. Đây ở trong nghiệp dị thực thiện ác mà sanh ra trí giải. Cũng gọi nghiệp dị thực trí lực.

Tĩnh lực là bốn tĩnh lực. Giải thoát là tám giải thoát. Đẳng trì là Nhất thiết hữu tâm định. Đẳng chí là định Nhất thiết hữu tâm vô tâm. Ở đây chánh tri gọi là Tĩnh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực. Các định này có cả hữu lậu vô lậu thêm gọi là. Căn tạp nhiễm thanh tịnh tức là năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

Đây nhuần nhuyễn từ hạng trung đến thượng, gọi là hơn, kém. Chánh tri này gọi là căn thắng liệt trí lực. Hoặc từ tha tín làm trước. Hoặc quán các pháp làm trước, thành tựu nhuần nhuyễn từ hạng trung đến thượng. Ái lạc thắng giải gọi là các thứ thắng giải. Ở đây chánh tri gọi là các thứ thắng giải trí lực. Hoặc rộng kiến lập các thứ tánh. Hoặc Nhất thừa, hoặc Ba thừa, hoặc Bốn thừa hoặc Năm thừa. Hoặc tham sân si đặng phần hành, đặng, cho đến hữu tình tám mươi ngàn hành gọi là các thứ giới. Giới là tánh, ở đây chánh tri gọi là các thứ giới trí lực. Hoặc là ở trong các đường môn như thế thuận theo theo chánh hạnh. Như người tham hành tu quán bất tịnh gọi là Biến thú hành (hành hưởng khắp). Hoặc hưởng đến hành của tất cả năm đường, hoặc các hành phẩm loại, dị kiến của các ngoại đạo Sa-môn Bà-la-môn. Hoặc thế giới này thế giới khác vô tội hưởng đến hành gọi là Biến thú hành. Ở đây Chánh biến tri gọi là Biến thú hành trí lực. Có thể hành biến hành ở các đường. Cũng gọi là Biến hành hành. Hoặc ở trong các thứ hữu tình, thì bốn phương danh tự giả thiết an lập các phẩm loại khác nhau. Tùy theo tự thể sở hữu trước kia mà có nói cú bát ngôn:

Một là như thị danh (tên như thế)

Hai là sanh loại.

Ba là chủng tánh.

Bốn là uống ăn.

Năm là thọ khổ vui.

Sáu là sống lâu.

Bảy là tồn tại lâu ở đời.

Tám bờ mé tuổi thọ.

Trong tám loại này tùy niệm lược là sáu hành, mỗi mỗi hành có vô lượng loại của đời sống trước, nay tùy niệm lại.

Lược làm sáu hành là: Một là giả danh kêu gọi; hai là các sắc loại Sát-đế-lợi sai khác; ba là cha mẹ; bốn là khuôn phép uống ăn; năm là hưng suy; sáu là tuổi thọ .

Các thứ tức trú này là cảnh quá khứ ở đời trước, đối với các cảnh này mà khởi ra tùy niệm, niệm đều có trí hành. Gọi là tức trú tùy niệm trí lực. Các thứ hữu tình lúc sắp qua đời gọi là thời chết, trú trung hữu gọi là thời sanh. Ở trong cõi thiện ác lúc sống lúc chết đều có thể chánh tri gọi là trí lực sanh tử.

Tất cả các pháp lậu và tùy miên vô dư đều dứt hẳn gọi là lậu tận. Ở đây chánh tri gọi là lậu tận trí lực. Trí là thể lực là tác dụng. Nhưng trí tức là lực càng không có tánh riêng. Tức trú trong tùy niệm này mà tương ứng với trí lực. Đây là giải thích gần. Từ xứ phi xứ tối sơ khác, cho đến lậu tận là cảnh sở quán. Trí lực là trí năng quán, xứ phi xứ cho đến trí lực lậu tận, đều là y chủ thích, tức trú là cảnh. Trí lực tùy niệm tương ứng là năng quán, đây cũng là y chủ mà giải thích.

Nêu thể: Phần Quyết Trạch năm mươi bảy chép: Phật có đủ tri căn tuệ căn làm thể.

Luận Đối pháp chép: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ứng kia.

Bồ-tát Địa nói: Cả năm căn là tự tánh của lực. Tuy văn ba kinh nói không đồng nhưng thể có năm:

1) Thể tối thắng: Trong phần quyết trạch, Phật có đủ tri căn tuệ căn làm tánh.

2) Thể dẫn sanh: Đối pháp nói hoặc định hoặc tuệ.

3) Thể khắc thật: Trong Bồ-tát Địa nói năm căn làm tánh. Do tuệ cao siêu lại nói tuệ mười lực là tự tánh cho nên chỉ nói các trí lực Xứ phi xứ... Không nói tín lực, tinh tấn lực v.v... Y vào đây tức đã hợp với văn quyết trạch.

4) Thể tương ứng: Đối pháp lại nói và các tâm tâm sở tương ứng kia lấy bốn uẩn làm tánh.

5) Thể quyền thuộc: năm uẩn làm tánh Định cộng đạo cộng vô lậu sắc v.v... giúp đỡ làm thể. Đây tuy không có văn mà lý hẳn đúng như vậy.

Vì ngăn các cấu uế phạm giới giúp cho dứt trừ oán tặc, ba phân biệt như trong số Vô Cấu Xưng quyển hai có nói.

Bốn vô sở úy thì dùng năm môn phân biệt: Một là nói về danh; hai là nêu thể; ba là hành tướng; bốn là thứ lớp; năm là các môn. Cũng như kinh Bồ-tát quyển năm, Đại Bát-nhã quyển năm mươi ba, kinh Hiển Dương quyển bốn, Du-già quyển năm mươi, Đối pháp thứcển mười bốn, có nói:

- Nói về danh có hai: Một là nêu danh; hai là giải thích danh.

Nêu danh là:

- 1) Chánh đẳng giác vô úy.
- 2) Lậu tận vô úy.
- 3) Chương pháp vô úy.
- 4) Xuất khổ đạo vô úy

Giải thích danh có hai: Chung và riêng.

Chung gồm có bốn tức Số danh. Vô sở úy là ở bốn xứ này, có thể biết rõ thản nhiên không sợ. Tâm không yếu đuối, không nghi lo, không kinh sợ nên gọi là vô úy.

Riêng là: Các pháp Chánh giác, các pháp Đẳng giác, gọi là Chánh đẳng giác. Các chứng lậu phiền não hiện hành đều dứt trừ nên gọi là Lậu tận. Nói pháp chương ngại, nhiếp ắt bị chương, cho nên nói là chương pháp. Nói đạo xuất ly: Các bậc Thánh tu tập, chắc chắn ra khỏi khổ, nên gọi là đạo xuất khổ.

Trong bốn nghĩa này đều đặc vô sở úy tức đều là y chủ thích.

- Nêu thể tánh: Trong phẩm Quyết trạch năm mươi bảy chép: Tín, tấn, niệm, định, tuệ và đầy đủ trí căn làm tánh.

Đối Pháp chép: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ưng kia.

Lại chép: Hoặc khởi tác dụng hậu đắc trí làm tánh. Hoặc trụ vào tự tánh chánh trí làm thể. Thể này có năm mà căn cứ vào hai trí thù thắng làm thể, phát khởi xuất định tuệ làm thể, nói về năm căn thật làm thể, bốn uẩn tương ưng làm tánh. Năm uẩn quyền thuộc làm thể. Hành tướng là như trong kinh nói: Đức Thế Tôn tự xưng là ngã là Chánh đẳng giác. Hoặc có Sa-môn, hoặc chẳng phải Sa-môn từ phương khác đến. Phật đều hết lòng an ủi nói: Có an lạc không? Đi khát thật được không?

Đây có người hỏi: Nói Chánh Đẳng Giác tức không có điều gì chưa biết, nay hỏi người khác sao lại trái ngược? Với câu hỏi này, ta nên hiểu đúng, vì không có lí do hỏi Phật đắc an ổn trụ, không sợ, không hãi, xưng là ta ở địa vị Đại tiên. Vì sao Đức Phật nói như thế? Vì để nhiếp thọ người đến để cho họ phát tâm, nghe Phật thăm hỏi an ủi mà phát đạo tâm. Muốn cho người xét rõ sự việc là: Phật biết rõ mà vẫn hỏi hướng chi là không biết. Cũng là để cho người sau lấy đó làm khuôn phép, thấy người đến phát tâm nên Phật mới dẫn dắt như vậy, chẳng phải Phật không biết mà vẫn gọi là Đẳng giác.

Lại như trong kinh nói: Sau khi Ta các lậu đã hết, Thiên thọ hành động các việc ác, Phật thường quở trách, Chấp Nhật điều thuận mà

Phật thường nói lời mềm mỏng. Có người vặn hỏi: Nói Đức Phật đã lậu tận, các phiền não đã hết, sao còn quả trách Thiên thọ và nói mềm mỏng với Chấp Nhật. Tham sân chưa dứt, sao lậu có thể hết? Sao lại trái ngược vậy?

- Trong vấn nạn này, hiểu rõ ràng là không nguyên nhân nói Phật đắc an ổn trụ, không sợ hãi, tự xưng là ta ở nơi tôn vị Đại Tiên. Thiên thọ như ngựa chững độc mạnh mới được thuần phục, nếu không trách mắng thì ngược lại nói Ta sợ. Chấp Nhật như voi tuệ tùy theo tâm người, nên Phật dùng lời mềm mỏng để điều phục. Chẳng phải là Phật có tham sân và lậu không tận.

Lại như trong kinh nói: Phật vì chúng đệ tử mà nói pháp chướng ngại, nhiệm ất là chướng, lại không nói ngăn quả vị Dự lưu, Nhất lai có vợ con v.v... Bèn có hỏi: Nhiệm tất là việc có vợ con làm chướng Thánh đạo? Với câu hỏi này Ta nên chánh kiến không có lý do nói Phật ở nơi quả vị đại tiên an ổn không lo sợ. Vì tà hạnh làm chướng các Thánh đạo. Có vợ con làm chướng con đường liã dục. Hai quả đầu chưa liã dục, tánh giới lâu xa mới thành, cho nên trừ được tà hạnh, không đoạn vợ con, ở đây có gì sai! Cho nên các nhiệm pháp chẳng phải là không chướng.

Lại như trong kinh nói: Ta vì chúng đệ tử nói đạo xuất ly, các Thánh tu tập chắc chắn xuất li, chắc chắn thông đạt. Lại có Ca-lưu-đà-di Vô học bị vùi trong hầm phân loại, Ương-quật-ma-la vào Ngục lửa thiêu thân, bèn có người hỏi: Thánh đạo tu hành lâu ngày mong liã sự khổ. Bậc Vô học đã trở lại chịu khổ thì đâu dùng Tu đạo làm gì. Vì sao lại trái ngược. Với vấn nạn này, ta nên chánh kiến, không có lý do gì nói Phật an ổn ở ngôi vị đại tiên không sợ hãi. Thật sự đắc Vô học thì quả khổ nhất định hết. Vì hiện ra nhân, tất là có khổ báo. Do bậc Thánh này thị hiện tướng khổ, để khởi giáo hóa về sau. Hoặc là khổ dị thực, bậc Vô học không thọ tận ác nghiệp, có thọ khổ ất là chướng quả không thành tựu Vô học. Kia nói bậc Vô học thọ khổ đó, là hiện ở nơi Hữu học còn chưa liã dục, vì chắc chắn thành Vô học, nên được đồng tên. Hoặc như đắc thần thông chẳng phải là không trở lại. Vì thế gian cũng đắc năm thông. Hoặc bậc Vô học ấy, khổ chẳng phải là do nghiệp chiêu lấy. Các khổ dị thực ất đã xuất ly. Như kinh Niết-bàn quyển hai mươi chín giải thích nghiệp ở ba thời, đến quả vị Vô học, không còn thọ ác nghiệp. Nói chưa nhập Thánh vị gọi là định nghiệp, khi nhập vào Thánh rồi thì không gọi là Định nghiệp. Như vậy thì đắc quả A-la-hán, nhất định là không còn quả khổ .

Hai đức còn lại, thiền định và giải thoát như trong số Vô Cấu Xưng, quyển hai chép: Thiền là bốn Tĩnh lự cõi sắc. Nghĩa là sơ thiền Tĩnh lự có tầm, tứ. Nhị thiền liả tầm tứ có hỷ. Tam thiền liả hỷ có lạc. Tứ thiền liả hỷ lạc, xả niệm thanh tịnh. Định là bốn định cõi vô sắc. Đó là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Giải thoát là tám giải thoát, dùng ba cách phân biệt: Một là nêu tên gọi, hai là hiển bày hành tướng, ba là nêu thể tánh.

- Nêu danh tự là: Theo Du-già quyển mười hai, mười lăm và bảy mươi ba, Nhiếp sự phần thứ tư: Đối pháp thức cần mười ba, Hiển Dương thứ bốn, thứ hai và hai mươi. Kinh Bồ-tát Tạng quyển thứ tư nói:

Một là quán hữu sắc các sắc giải thoát.

Hai là nội vô sắc tướng, quán các sắc bên ngoài giải thoát.

Ba là Tịnh giải thoát thân tác chứng trụ đầy đủ.

Bốn là không vô biên xứ giải thoát.

Năm là Thức vô biên xứ giải thoát.

Sáu là Vô sở hữu xứ giải thoát.

Bảy là Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

Tám là định Diệt thọ tướng giải thoát thân tác chứng trụ đầy đủ.

Nói về hành tướng, trong Câu-xá quyển hai mươi chín chép: Bên trong có tướng sắc, ngoài quán các sắc là sơ giải thoát. Bên trong chưa hàng phục thấy sắc tướng, ngoài quán các sắc bất tịnh gọi là quán sắc ngoài. Nay thì không như vậy. Y theo văn Đối pháp thì đầu tiên tu nghiệp là thân tuy ở cõi dục mà đã liả dục của cõi Dục, chưa y vào vô sắc định để hàng phục trừ thấy sắc tướng chưa liả dục cõi sắc. Nếu tập nghiệp đã lâu liả Cõi sắc, dục thấy sắc tướng, an lập hiện tiền, mà quán tất cả các sắc trong ngoài đều có ở cõi dục làm ánh sáng tướng. Do ba pháp giải thoát trước mà dẫn phát các Thắng xứ, Biến xứ. Tức là quán ít nhiều các sắc thuộc về thắng xứ mà làm ánh sáng tướng. Bởi trừ biến hóa chướng nên làm ánh sáng tướng. Không trừ tham dục thì không thật hành tướng bất tịnh. Luận Du-già chỉ nói: Chưa đắc Vô sắc định, chưa liả nhiễm cõi sắc, quán sắc bên ngoài là sơ giải thoát, tức chỉ y vào sơ nghiệp mà nói. Cho nên trong Câu-xá luận, phần giải thoát thứ hai nói: Bên trong đã trừ kiến (thấy) là sắc tướng, chỉ quán cảnh ngoài mà làm bất tịnh gọi là: Trong không có sắc tướng, quán các sắc ngoài. Kinh Đại thừa thì không vậy. Y theo đối pháp thì nói: Tập nghiệp lâu ngày, đã y vào Vô sắc định mà hàng phục thấy là sắc tướng. Đầu tiên tập nghiệp thì thấy là tướng vô sắc an lập hiện tiền, mà quán sắc ngoài tác động vào tướng ít nhiều. Không đồng như ở trong sơ quán trong ngoài sắc đều làm

ánh sáng tướng, chưa tự tại. Nay ở đây chỉ quán ít nhiều mà đã lia đục sắc thì gọi là quán sắc ngoài. Đã lia nhiễm nên gọi là bên ngoài. Quán tâm từ từ vượt lên, nên dần dần lược quán. Du-già chép: Lại không tư duy tưởng minh tướng của sắc kia. Chỉ ở nơi sắc ngoài mà tạo ra tướng giải, tức là quán ít nhiều mà không làm tướng ánh sáng, hoặc ở nơi xứ này đã được lia đục, nói sắc kia là ngoài. Cho nên chỉ quán sắc đã lia nhiễm thì gọi đó là ngoài. Lại do giải thoát đầu quán sắc không nói là ngoài, bên trong có sắc cũng không nói là nội, mà duyên chung các sắc căn trần trong ngoài làm tướng ánh sáng. Cho nên giải thoát thứ hai này bên trong có sắc có căn. Người kia quán sắc ngoài chỉ là quán ít nhiều ngoài trần không duyên căn mà vẫn tạo tướng ít nhiều. Trong Du-già lại nói: Định trong cõi vô sắc không hiện ra trước. Đây là nói về quán sắc ngoài, không y vào định vô sắc. Định vô sắc không thể duyên vào sắc ngoài. Hoặc đã lia đục cõi sắc không y vào định vô sắc mà phục trừ sắc tướng, chỉ y vào định cõi sắc, thấy đó là tướng vô sắc mà hiện tiền cho nên nói thế. Hai giải thoát trên, đầu tiên là thật hành tướng ánh sáng, sau là thật hành tướng ít nhiều, trước rộng sau hẹp, cả hai quán đều có khác. Hiển dương phần thứ hai mươi nói: Hai giải thoát này, trừ biến hóa chương, ở trong sự biến hóa mà được tự tại. Cho nên biến hóa đã thông hữu của bốn tĩnh lực. Hai giải thoát đầu tiên, đều nương vào bốn tĩnh lực, giải thoát đầu thật hành tướng nhiều vì dựa vào Sơ, Nhị định, có chỉ ở căn bản địa, không phải, cận phần địa. Kia ưa thích hưởng tu mà không có quả chung. Đây chấp nhận mới dự tu có chung quả. Không đồng như hai tĩnh lực đầu trong Câu-xá luận chép: Có thể trừ bỏ Dục giới mà trong sơ tĩnh lực có tham hiển sắc, nên quán bất tịnh.

Giải thoát Thứ ba theo Câu-xá luận chép: Thanh tịnh cùng chuyển, làm chuyển hành tướng ánh sáng thanh tịnh theo. Chỉ có tĩnh lực thứ tư là lia tám tai hoạn, tâm lắng tịnh. Các địa khác tuy có giải thoát tương tự, mà không kiến lập, chẳng phải tăng thượng. Nay trong Đại thừa cho: Như có một đã đắc xả niệm, tròn đầy trong sạch. Lấy đây mà nương vào tu tập thì tròn đầy Thánh hạnh thanh tịnh. Các sắc tịnh bất tịnh bên trong đã được lần lượt đối nhau tướng, lần lượt tướng theo tướng chuyển nhập vào một vị tướng. Đó là hành tướng giải thoát thứ ba. Nghĩa là đối các tịnh sắc ở trong sắc khác, gọi là bất tịnh, chẳng phải không có tướng đối đãi. Nếu chỉ thấy một thứ tịnh và bất tịnh cả hai giác không, có tức gọi là sơ tướng.

Lại đối với tánh tịnh, bất tịnh mà tùy nhập vào, đối với bất tịnh thì tánh tịnh tùy nhập, bởi trong lớp da mỏng che đậy mà chung nói. Ở

trong tịnh hiện có ba mươi sáu vật bất tịnh. Tướng thứ hai lần lượt như thế. Chung tất cả sắc hợp lại thành tướng một vị giải thanh tịnh. Đó là tướng thứ ba, mới là thành tựu, chỉ có Tịnh lự thứ tư là có xả, niệm thanh tịnh.

Luận chép: Vượt qua các khổ vui tất cả mọi sự động loạn đã vắng lặng, như người thợ khéo mài ngọc. Các địa khác không như thế mà chỉ có địa thứ tư. Đây cũng là bên trong không có sắc tướng mà quán sắc ngoài. Do trước đã nói nên nay lược không luận.

Kế là bốn giải thoát vô sắc. Trong Câu-xá luận chép: Lấy định thiện bốn vô sắc làm tánh, chẳng phải nhiễm vô ký. Đã giải thoát rồi, cũng chẳng phải tánh tán thiện kém yếu cận phần giải thoát đạo cũng được gọi là giải thoát, Vô gián thì không như vậy. Vì sở duyên địa dưới. Người kia cần phải trái với địa dưới mới là giải thoát. Cho nên thường nói Căn bản còn cận phần thì chẳng phải hoàn toàn. Nay nói Đại thừa đều đã lìa dục tự địa, muốn y vào tự căn bản địa mà quán lại cảnh tự địa, tư duy thắng giải khiến cho hoặc chướng càng xa hơn, dẫn sanh ra thắng đức. Nghĩa là như có một pháp ở Không xứ kia đã được lìa dục, tức ở Không xứ mà tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát Không xứ. Ở cõi Thức xứ kia đã được xa lìa dục, tức là ở nơi thức tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát Thức xứ. Đối với chỗ Vô hữu xứ đã được lìa dục, tức đối với thức vô biên xứ, tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát vô sở hữu xứ. Hai tên Không, Thức dùng hành tướng sở duyên tự địa đặt tên. Vô sở hữu xứ lấy thức vô hữu làm tên tự địa. Cho nên thức đều tư duy thắng giải. Ở trong địa hữu đẳng đã được lìa nhiễm càng không ở chỗ khác mà tạo thắng giải. Cho đến khắp ở xứ có thể sanh tướng, tức đối với xứ ấy mà tạo thắng giải. Vô sở hữu xứ gọi là xứ có thể sanh tướng. Nay duyên vào tâm, tâm sở vô sở hữu này mà gọi là phi tướng phi phi tướng xứ. Cho nên khắp các xứ này mà tư duy thắng giải đến dưới sẽ biết. Trên đây nói việc lìa nhiễm, là nói theo Vô học, cho nên luận Du-già chép: Bảy giải thoát trước là đối với đã giải thoát mà sanh thắng giải. Thân chứng là đắc. Nếu y vào Duy thức thì có hai sự nói:

1) Phục sơ định trở lên thì nhiễm được Diệt định.

2) Phục định thứ tư trở lên thì nhiễm được Diệt định. Từ vô sở hữu trở xuống thì nhiễm có thể hàng phục, để dẫn sanh ra thắng đức mà chướng hoặc xa lìa. Định địa Hữu đẳng chưa thể hàng phục. Cho nên trong Du-già quyển mười hai chép: Hai giải thoát Không và Thức, có nói nói lìa nhiễm tự địa. Hai địa trên không nói lìa nhiễm tự địa. Bạc

Hữu học Vô học rõ ràng là lược nói. Chỉ ở nơi căn bản cũng chẳng phải cận phần. Giải thoát Diệt tận Đại Tiểu đều nói: Tức là diệt tận định mà không có hành tướng xả tướng thọ. Nhưng lúc sắp nhập có hai hành tướng. Nghĩa là y vào phi tướng phi phi tướng xứ vô tướng giới tướng. Đầu tiên tu, lâu ngày thuần thục thì cả hai đều nhập minh.

- Về thể tánh: Trong luận Câu-xá chép: Ba giải thoát trước là ba tánh vô tham, tánh năm ấm quyến thuộc. Bốn giải thoát kế lấy, bốn định thiện Vô Sắc làm tánh. Thứ tám là diệt định tánh. Trong kinh Đại thừa quyển bảy mươi ba giải thích năm pháp là: Thế gian xuất thế gian lấy chánh trí làm thể.

Hữu lậu vì phân biệt nên chánh trí thế gian làm thể, vô lậu vì vô phân biệt trí và hậu đắc trí nên chỉ lấy tuệ làm tánh. Duyên vào cảnh sắc phi sắc và chân như mà lia hết các định chướng dẫn sanh ra thắng đức, pháp khác chẳng có. Nếu thể tương ứng bảy giải thoát đầu thì dùng tứ uẩn làm tánh, năm uẩn quyến thuộc làm tánh. Nên Đối Pháp nói: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ứng kia; trong cõi vô sắc chấp có định đạo vô biểu sắc. Giải thoát thứ tám lấy công năng tâm nhằm chán trên hạt giống hai mươi tám pháp làm thể, tức thuộc bất tương ứng hành uẩn.

Tam-muội là Tiếng Phạn Hán dịch là Đẳng trì, tức ba Đẳng trì: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Nghĩa này đến dưới sẽ giải thích. Bát-nhã quyển năm mươi ba chép: Ba cảnh đều cùng đều duyên Không. Nhưng y vào luận dẫn từ kinh ra thì lại có năm đức, sơ văn rườm rà nên không nêu ra đây.

Luận giải thoát lập lại ba câu trên, tức lần thứ hai giải thích rằng:

- Lại câu thứ nhất nói thành tựu có thể giáo hóa chúng sanh nương vào thiện tri thức. Nghĩa là dẫn dắt chúng sanh có tánh Bồ-đề, có thể hóa độ người chưa phát tâm, khiến cho họ nương vào bạn lành lia hết chấp trước gọi là phương tiện dẫn dắt chúng sanh.

- Câu thứ hai là thành tựu chúng sanh căn tánh đã thuần thục, khiến họ được hiểu thoát. Nghĩa là khiến cho người đã phát tâm tu hành lâu dài được hiểu thoát, gọi đó là phương tiện tri kiến Ba-la-mật.

- Câu thứ ba là thành tựu: Lực, gia, tự tại thanh tịnh hàng phục. Nghĩa là Phật bên trong đã thành tựu các công đức, bên ngoài đã dứt trừ các phiền não: uẩn, tử, thiên ma, gọi là năng lực, các thiện định... đều là nơi đức Thế Tôn tạm trú gọi là nhà. Do lực tự tại nên có thể hàng phục. Do nhà tự tại nên có thể làm thanh tịnh các chướng hoặc, lại do an

trụ trong thiền định làm nhà, mà được nghiệp thần thông tự tại. Do đây mà thành tựu lực vô lượng vô ngại. Có thể thanh tịnh các hoặc chướng hàng phục chúng ngoại đạo, nên nói “Tri kiến của Như lai rộng lớn sâu xa. Y vào luận bốn giải thích lập lại ba câu trên trong kinh đã xong, kế là dùng bảy câu dưới giải thích thứ tư ở trên rằng: “Các thứ ngôn từ...” Cũng có hai lần giải thích đầu tiên phối hợp trong văn kinh, sau đó giải thích lại.

- Kinh: “Vào sâu không hạn mức cho đến pháp chưa từng có”.

- Tán: Dùng bảy câu giải thích nói ngôn từ ở câu thứ tư bên trên. Kinh này chỉ có năm câu đầu, thiếu câu sáu, câu bảy, xem văn sẽ rõ.

Luận chép câu thứ tư là nói thành tựu có bảy loại. Đây là các thứ thành tựu ở câu đầu: Các pháp vị tăng hữu, lý, sự, không, hữu, thế, xuất thế gian đều sâu nhập, mênh mông không bờ bến nên có thể khởi” các thứ ngôn từ...”.

- Kinh: Xá-lợi-phất cho đến Tâm chúng đều vui mừng.

- Tán: Đây là câu thứ hai: Luận chép: Ngôn ngữ thành tựu: Phật đấng năm thứ âm thanh hay cho nói pháp. Trong luận Đại Trí Độ chép: Năm thứ âm thanh từ miệng Phật phát ra:

1) Rất sâu như sấm.

2) Âm thanh trong trẻo, người từ xa nghe được đều vui mừng hoan lạc.

3) Nhập tâm yêu kính.

4) Rõ ràng dễ hiểu.

5) Người nghe không nhầm chán, có thể biện luận các nghĩa hữu lậu vô lậu. Rất sâu như sấm tức câu: “Các thứ phân biệt các pháp.”

Rõ ràng dễ hiểu tức câu: “Khéo nói các pháp”; nói các pháp là chung cả câu, phân biệt các pháp ở trên. Khởi lòng từ bi hết lòng giảng nói khiến cho người nghe không hề nhầm chán, tức câu “dùng lời lẽ êm dịu”, tiếng trong suốt vang xa người nghe được đều vui mừng, nhập tâm yêu kính là câu: “Có thể làm vui lòng chúng”, ba câu đầu mỗi câu đều có một loại âm thanh, một câu sau có hai.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến không cần nói lại.”

- Tán: Đây là câu thứ ba. Luận gọi là tướng thành tựu. Nhưng luận nêu lại văn kinh, không có câu: “Tóm lại trở xuống là nói Phật sẽ thành tựu” ở văn trên, mà chỉ bắt đầu từ “Thôi! Đừng nói nữa” trở xuống.

Luận chép: Chúng sanh có pháp khí, tâm chúng sanh đã tròn đầy nên gọi là tướng thành tựu. Pháp khí có hai: Một là thật, hai là giả.

Thật là ngài Xá-lợi-phất...

Giả là những người tăng thượng mạn. Đối với chúng sanh thật là pháp khí, tức tâm Thánh đã đầy đủ, tâm ưa thích Pháp mầu, Phật nói: “Thôi!” Là để cho họ mời thỉnh. Nay Phật nói: “Thôi!” là không cần nói pháp vì sao? Đối với chúng sanh giả có pháp khí, tự cho rằng tâm Thánh đã tròn đầy, tâm chẳng ưa pháp mầu, mà ở tòa còn chưa đi, nên Phật hiện tướng nói “Thôi!” khiến họ bỏ đi. Các pháp giải thoát ta đã đắc xong, còn có pháp nào nữa, nên Phật thôi không nói ư? Cho nên gọi là tướng. Như người ở thế gian cùng nhóm họp một chỗ. Khi nói cũng có người thích nghe, người không thích nghe, thì dù có nói, nay thôi không cần nói đâu có ích gì! Nói thôi chẳng qua để cho người thích nghe mời thỉnh, còn người không thích thì động bỏ đi. Nay vì người thật có pháp khí trước, khiến họ hỏi pháp Nhất thừa, nên gọi là Tướng.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến pháp khó hiểu”.

- Tán: Đây là câu thứ tư. Luận gọi là kham thành tựu, vì vốn không có lời diễn đạt cho tất cả chúng sanh đáng hóa độ biết Như lai thành tựu công đức ít có, có khả năng nói pháp. Nghĩa là Xá-lợi-phất... là người gốc lành thành thực: Gọi là chúng sanh đáng hóa độ, biết rõ Phật thành tựu công đức khó hiểu ít có bậc nhất, có thể nói pháp đó.

- Kinh: “Chỉ Phật cùng Phật cho đến thật tướng các pháp.”

- Tán: Đây là câu thứ năm.

- Luận gọi: là Thành tựu vô lượng nói không thể hết.

- Thật tướng nghĩa là thể Pháp thân Như lai tạng, tánh bất biến. Trí Phật biết đủ, biết thể của thật tướng này tận đến nguồn đáy nên gọi là cứu tận, không chỉ thành tựu muôn đức hữu vi mà Phật muôn đức vô vi, cũng cùng tận. Cho nên nói là vô lượng chủng thành tựu, nói không thể hết. Kinh này bỏ qua câu thứ sáu là giác thể thành tựu. Như lai có thể biết tất cả pháp Phật, tự chứng đắc. Thiếu câu thứ bảy: Cũng thuận theo ý chúng sanh mà nói tức tu hành pháp thành tựu, Như lai có thể nói tất cả pháp tức kinh này nói các pháp tướng như thế. Câu thứ bảy này nói các pháp, các tướng hiện thấy, không gì Phật không thấy.

Trên là lần đầu Luận giải bảy câu đối với câu thứ tư: “Các thứ ngôn từ” ở kinh. Luận giải lần thứ hai, hợp lại dùng bảy câu giải thích lại câu “Các thứ ngôn từ” Được phối hợp như sau.

- Thứ nhất nói các thứ pháp môn, nhiếp lấy tất cả chúng sanh nhập vào Phật pháp, phối hợp với câu sâu nhập không cùng tận.

- Thứ hai khiến không trụ tán loạn, là để giáo hóa chúng sanh khiến không tán loạn, chuyên tâm trụ vào cảnh ít có muốn nghe. Phối với câu “khởi các thứ phân biệt các pháp”.

- Thứ ba là khiến giữ lấy: Khiến cho người căn tánh thuần thực hỏi pháp Nhất thừa, phối hợp với câu : “ Thôi không cần nói nữa!”

- Thứ tư là khiến được hiểu thoát, người căn tánh thuần thực đều được hiểu thoát. Phối hợp với câu: “Phật thành tựu pháp khó hiểu.

- Thứ năm là khiến người tu hành thành tựu pháp đối trị, khiến người tu hành đắc pháp đối trị, đến tận bờ mé chân thật là phối hợp với câu: “Thấu tột tướng chân thật của các pháp”.

- Thứ sáu khiến người tu hành tiến đến thành tựu: Người tu hành tiến đến thành tựu đắc trí diệu tịnh, do đây Như lai biết rõ tất cả pháp.

- Thứ bảy, đắc pháp tu hành không còn lui mất, là khiến cho kia tu hành tròn đầy. Lại vì người mà nói không mất lợi ích. Cho nên Phật có thể nói tất cả pháp yếu. Do Phật thành tựu bảy pháp yếu này rồi giáo hóa chúng sanh dần dần tùy nhập mà tu tập. Dùng luận để phối hợp bảy câu văn kinh trên.

Kết nối cùng khởi như lý nên biết. Bốn câu đầu là trụ quyền, hai câu kế là trụ thật, một câu sau là ngoại hóa. Vì sao phối hợp câu ba ở kinh rằng: Phương tiện tri kiến niệm quán làm giải thích lần thứ ba.

Vì luận chép: Lại cùng giáo hóa thành tựu nghĩa là vào chứng pháp cho nên thứ lớp nói như thế. Tức dùng phương tiện để cho chúng sanh có thể hóa độ mà căn cơ chưa thuần thực khiến nường vào bạn lành, nói tri kiến để là đối với chúng sanh đã thuần thực khiến cho được hiểu thoát. Niệm quán đó là giải thoát chúng sanh khiến cho tất cả được thành tựu lực gia và các công đức. Ở đây y theo thứ lớp chứng pháp mà nói giáo hóa độ chúng sanh. Vì sao phối văn kinh nói: Các thứ ngôn từ” với bảy câu là lần thứ ba giải thích.

Vì Luận chép y vào nói pháp mà nói. Thứ lớp như thế mà nói như trước, sợ văn nhiều, nên không thuật lại. Vì thế luận chép: Lại cùng thành tựu giáo hóa là y vào chứng pháp. Lại nói thành tựu tức là y vào pháp. Hai thứ pháp này như đã nói ở trước.

Luận chép y vào hai pháp này là có thứ lớp gì?

Vì dựa vào đó mà được tu hành. Hỏi: Chứng và nói theo thứ lớp nường vào tu hành ư? Tức là câu văn trước của luận, lập lại nói là nêu biết. Nghĩa là trước luận chép, nay lập lại nói ba loại phương tiện, tri kiến, niệm quán, dựa vào bảy câu nói: “Các thứ ngôn từ theo thứ lớp. Dựa vào nói thứ lớp nên có thứ lớp như thế. Nói đã như thế, y vào đó tu học thì chứng thứ lớp, kết nghĩa phần trước. Khuyên người học nên biết. Hoặc đây là chọn lọc lần đầu giản định thích riêng bốn câu. Trong đó câu hai là giáo hóa thành tựu, câu thứ tư là nói thành tựu, tức hai thứ

sai khác.

- Kinh: “Gọi là các pháp cho đến rốt ráo” v.v...

- Tán: Là nói câu thứ bảy.

- Pháp của Phật nói dựa là vào chứng mà nói. Cho nên luận dẫn trong kinh ra có năm câu: Là các pháp nào? Thế nào là pháp? Pháp là tương tự gì? Tướng pháp thế nào? Thế pháp thế nào? Luận có bốn giải thích:

Thứ nhất y theo việc bỏ quyền lấy thật thừa mà giải thích. Đầu tiên nói Ba thừa là pháp gì? Kế đến mỗi một thừa đều khởi ra mỗi mỗi sự nói. Tức thế nào là pháp. Kế là y vào Ba thừa môn mà tu hành thanh tịnh gọi là tương tự pháp gì? Kế đến là nói Ba thừa chỉ có một tướng, cho nên gọi là tướng pháp thế nào? Sau rốt ráo chỉ là một Phật thừa mà không có tự thể Nhị thừa. Cho nên nói thể pháp là thế nào?

Thứ hai y vào lần lượt huấn thị giải thích pháp, các pháp nào nghĩa là hữu vi và vô vi. Thế nào là pháp tức là nhân duyên và phi nhân duyên. Dùng nhân duyên sanh mà giải thích pháp hữu vi, phi nhân duyên sanh mà giải thích pháp vô vi. Pháp tương tự gì nghĩa là pháp thường, vô thường, dùng thường giải thích phi nhân duyên sanh. Vô thường giải thích nhân duyên sanh. Tướng pháp thế nào tức là ba pháp tướng sanh... ba pháp tướng bất sanh cho đến Lấy pháp hữu sanh giải thích nghĩa vô thường trước. Dùng bất sanh ... giải thích thường. Thế pháp thế nào? Pháp năm ấm, phi năm ấm. Năm ấm tức là sanh ..., phi ấm là phi sanh cho đến.

Thứ ba giải thích chỉ ba câu cuối: chỉ y vào hữu vi mà giải thích. Hai câu đầu trong đây không khác ở trước, nên không giải thích. Luận chép pháp tương tự gì? Nghĩa là pháp vô thường, hữu vi, nhân duyên. Tướng pháp thế nào? Nghĩa là các pháp tướng có thể thấy. Thế pháp thế nào? Nghĩa là năng thủ sở thủ của năm ấm. Năm ấm là thể khổ tập, cũng là đạo đế. Như luận đã giải thích.

Thứ tư là dựa vào pháp dụng nói pháp mà nói. Những pháp gì, nghĩa là dùng danh cú tự thân mà nói. Thế nào là pháp, tức dựa vào pháp Như lai đã nói mà nói. Pháp tương tự gì là năng giáo hóa những chúng sanh đáng được giáo hóa, tướng pháp thế nào, là dựa vào âm thanh nhận lấy, tức là khiến cho người nghe, dựa vào âm thanh mà nhận lấy pháp sở thuyên. Thế pháp thế nào, là tạm gọi thể pháp tướng. Tuy khiến nương vào âm thanh nhận lấy pháp sở thuyên mà pháp tánh là lời nói, Sở thuyên là tạm gọi thể pháp chứ chẳng phải gọi pháp thật. Nếu không khiến nương vào văn thì liền sanh chấp trước. Nhưng ở văn

kinh vì sợ người không hiểu, các nhà phiên dịch lại y vào thứ hai là lần lượt chỉ bày mà giải thích pháp, nhưng ít, không thứ lớp, lấy nghĩa đối chiếu thì không trái với Thánh giáo. Nếu làm giải thích nghĩa riêng tức vì nhân tình chẳng phải Thánh giáo. “Tướng như vậy, tánh như vậy,” hợp lại thành câu thứ nhất hỏi những pháp gì? Tướng là hữu vi, tánh là vô vi. “Thể như vậy” là câu thứ năm. Hỏi thể pháp thể nào? Nghĩa là năm uẩn, phi năm uẩn, hợp lại mà thành văn. Lực như vậy, tác như vậy, hợp lại thành câu thứ ba hỏi pháp tương tự gì? Lực là pháp thường. Pháp thường có lực năng. Tác là pháp vô thường là có tạo tác. Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, hợp lại thành câu thứ hai hỏi pháp thể nào? Là pháp nhân duyên. Trong quả báo hữu vi là pháp do nhân duyên sanh. Vô vi là pháp do phi nhân duyên sanh. Vì nghĩa kiến lập quả nên gọi là nhân, vì nghĩa thành tựu báo nên gọi là duyên. gần với nghĩa được quả nên gọi là nhân, xa với nghĩa được quả nên gọi là duyên. Bốn quả gọi là quả. Dị thực là báo. “Trước sau như vậy” là câu thứ tư hỏi pháp tướng thế nào? Ba tướng pháp sanh... là sau là thể là sự. Ba tướng như bất sanh... là trước, thể là lý. “Rốt ráo... là giải thích lại lý là trước là pháp tánh rốt ráo .

Luận bốn nêu lại văn kinh lại có năm câu hỏi như trên, Phật lại dùng những câu hỏi này để làm rõ năm nghĩa trước, không có lý khác.

